

Số: 217/BC-UBND

Quảng Trị, ngày 27 tháng 11 năm 2025

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025
VÀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026**

**PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

Năm 2025 là năm cuối nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII và đại hội Đảng các cấp, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2025 trong bối cảnh tình hình kinh tế và chính trị thế giới biến động khó lường; thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp và gây ra hậu quả nghiêm trọng đã ảnh hưởng lớn đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước và riêng của tỉnh, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, công nghiệp, thị trường bất động sản, đã ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước (NSNN) và việc điều hành ngân sách nhà nước trên địa bàn. Tuy vậy, nhờ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh và sự nỗ lực vượt bậc của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực; trong đó, việc điều hành và thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 hoàn thành tiến độ Nghị quyết của HĐND tỉnh, góp phần duy trì ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương, cụ thể như sau:

A. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NĂM 2025

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, UBND tỉnh đã ban hành và triển khai thực hiện nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường công tác quản lý thu và tăng thu ngân sách, chỉ đạo ngành Thuế tập trung tăng cường quản lý thu ngân sách ngay từ tháng đầu, quý đầu để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2025 đã được giao.

I. Dự toán thu NSNN

Dự toán thu ngân sách nhà nước tại địa bàn năm 2025 HĐND tỉnh giao là 11.902 tỷ đồng. Ước năm 2025 đạt 13.372 tỷ đồng, đạt 120% so với dự toán Trung ương giao, 112% so với dự toán địa phương, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước.

Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2025 HĐND tỉnh giao là 29.507 tỷ đồng; trong đó, thu tại địa bàn ngân sách địa phương (NSDP) là 8.770 tỷ đồng, thu bổ sung ngân sách Trung ương là 19.979 tỷ đồng. Ước năm 2025 đạt 32.367 tỷ đồng, đạt 110% so với dự toán địa phương giao.

1. Thu nội địa

Dự toán giao thu ngân sách tại địa bàn năm 2025 Trung ương giao 8.606 tỷ đồng, HĐND tỉnh giao là: 9.338 tỷ đồng. Ước năm 2025 đạt 10.658 tỷ đồng, đạt 124% so với dự toán Trung ương giao; đạt 114% so với dự toán địa phương giao; tăng 13% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Tổng thu ngân sách nhà nước nội địa trên địa bàn trừ tiền sử dụng đất ước thực hiện cả năm 2025 đạt 6.158,3 tỷ đồng, đạt 108,8% so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó:

So với dự toán năm: Có 16/18 khoản thu đạt và vượt dự toán cả năm, là thu từ doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trung ương, DNNN địa phương, thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài (ĐTNN), thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ, phí và lệ phí, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, thu xổ số kiến thiết, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền sử dụng khu vực biển, thu hoa lợi công sản, thu cổ tức và lợi nhuận được chia. Còn lại 02 khoản không hoàn thành dự toán năm là thuế bảo vệ môi trường và thu khác ngân sách.

So cùng kỳ: Có 10/18 khoản có tăng trưởng so với cùng kỳ, là thu từ thu từ DNNN địa phương, thu từ DN có vốn ĐTNN, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường, lệ phí trước bạ, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền sử dụng khu vực biển. Còn lại 08 khoản giảm thu so với cùng kỳ.

Đánh giá kết quả thu ngân sách ở một số lĩnh vực, sắc thuế chủ yếu:

a) Khu vực sản xuất kinh doanh (Bao gồm các khu vực DNNN, DN có vốn ĐTNN, ngoài quốc doanh):

- *Thu từ khu vực DNNN trung ương:* Ước thực hiện được 355,3 tỷ đồng, đạt 106,1% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 97% so cùng kỳ.

- *Thu từ khu vực DNNN địa phương:* Ước thực hiện được 211,6 tỷ đồng, đạt 127% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 111% so cùng kỳ. Khu vực này vượt dự toán giao cao nguyên nhân chủ yếu do Công ty bia Hà Nội - Quảng Bình (đơn vị có số nộp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu thu ngân sách khu vực DNĐP) được Tổng công ty cấp sản lượng phân bổ về cho chi nhánh nên tăng thu so với dự toán. Ngoài ra, Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị có số nộp tăng so cùng kỳ do sản lượng tăng do dự án mở rộng công suất nhà máy nước Đông Hà và giá bán tăng so với cùng kỳ.

- *Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN:* Ước thực hiện được 164 tỷ đồng, đạt 100% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 102% so cùng kỳ.

- *Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:* Ước thực hiện được 2.400 tỷ đồng, đạt 107% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 107% so cùng kỳ.

b) *Các khoản thu về nhà, đất:*

- *Thu tiền sử dụng đất:* Ước thực hiện được 4.500 tỷ đồng, đạt 153% dự toán TW giao, đạt 122% dự toán tỉnh giao và bằng 128% so cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt cao so với dự toán và tăng cao so với cùng kỳ là do trong năm 2025 Công ty TNHH Sơn Hải Riverside nộp nợ 478 tỷ đồng, Công ty TNHH Xây dựng Minh Tiến nộp nợ 202 tỷ đồng (cùng kỳ không phát sinh) và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Xuân Quang nộp 476 tỷ đồng tiền sử dụng đất dự án khu nhà ở thương mại. Ngoài ra, do địa phương triển khai các dự án quỹ đất đấu giá thu tiền sử dụng đất theo kế hoạch và tổ chức các phiên đấu giá thu tiền sử dụng đất tương đối thành công.

- *Thu tiền thuê đất:* Ước thực hiện được 303 tỷ đồng, đạt 183% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 81% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thu đạt cao so với dự toán là do ước trong năm 2025 các đơn vị nộp nợ tiền thuê đất như Công ty TNHH Sơn Hải Riverside ước nộp 50,7 tỷ đồng, Công ty FLC ước nộp 103 tỷ đồng, Công ty CP Thép Hợp Kim Asia ước nộp 21 tỷ đồng.

Ước thực hiện giảm so với năm 2024 do năm 2024 phát sinh khoản thu bù trừ tiền giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất: 70,9 tỷ đồng (Công ty TNHH GDF Quảng Trị là 22,9 tỷ; Công ty TNHH liên doanh phát triển Quảng Trị là 48 tỷ đồng), năm 2025 không phát sinh.

- *Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:* Ước thực hiện được 30,5 tỷ đồng, đạt 133% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 95% so với cùng kỳ.

c) *Các khoản thuế khác và thu khác:*

- *Thuế thu nhập cá nhân:* Ước thực hiện được 519,1 tỷ đồng, đạt 133% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 128% so với cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt cao so với dự toán và so với cùng kỳ là do Chính phủ ban hành chính sách tăng lương cho một số ngành nghề. Ngoài ra, do thị trường chuyển nhượng bất động sản trong năm 2025 sôi động dẫn đến khoản thu thu nhập cá nhân (TNCN) từ chuyển nhượng bất động sản tăng cao.

- *Thuế bảo vệ môi trường:* Ước thực hiện được 560 tỷ đồng, bằng 68% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 111% so với cùng kỳ. Nguyên nhân thu thấp so với dự toán là do việc lập, giao dự toán thuế bảo vệ môi trường (BVMT) năm 2025 chưa tính đến ảnh hưởng của chính sách giảm thuế BVMT theo quy định tại Nghị quyết số 60/2024/UBTVQH15 ngày 24/12/2024.

- *Thu lệ phí trước bạ:* Ước thực hiện được 600 tỷ đồng, đạt 148% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 123% so với cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt cao so với dự toán và tăng so với cùng kỳ là do từ đầu năm 2025, các hãng xe ô tô đưa ra nhiều chính sách ưu đãi đồng thời nhu cầu mua sắm phương tiện xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi tăng nên số thu từ lệ phí trước bạ ô tô tăng cao.

- *Thu phí và lệ phí:* Ước thực hiện được 430,5 tỷ đồng, đạt 113% dự toán

TW và HĐND tỉnh giao và bằng 99% so với cùng kỳ.

- *Thu khác ngân sách*: Ước thực hiện được 293,9 tỷ đồng, đạt 89% so dự toán TW, đạt 93% dự toán tỉnh giao và bằng 76% so với cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt thấp so với dự toán và giảm thu so với cùng kỳ chủ yếu là do trong năm 2025, thu từ phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông giảm mạnh so với năm 2024. Ngoài ra, năm 2024 phát sinh khoản thu đột biến từ tiền chậm nộp tiền sử dụng đất (năm 2025 không phát sinh): 35,9 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Thương mại - Quảng cáo - Xây dựng - Địa Ốc Việt Hân nộp 28,7 tỷ đồng và các công ty khác 7,1 tỷ đồng.

- *Thu cấp quyền khai thác khoáng sản*: Ước thực hiện được 98,3 tỷ đồng, đạt 168% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 102% so cùng kỳ.

- *Thu cấp quyền sử dụng khu vực biển*: Ước thực hiện được 4,6 tỷ đồng, đạt 119% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 120% so cùng kỳ.

- *Thu hoa lợi công sản*: Ước thực hiện được 24 tỷ đồng, đạt 114% dự toán TW và HĐND tỉnh giao và bằng 67% so với cùng kỳ.

- *Thu xổ số kiến thiết*: Ước thực hiện được 146 tỷ đồng, đạt 115% dự toán TW giao, đạt 104% dự toán tỉnh giao và bằng 97% so với cùng kỳ.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Thu thuế xuất nhập khẩu

Thu thuế xuất nhập khẩu Trung ương và HĐND tỉnh giao chỉ tiêu thu 2.550 tỷ đồng. Dự kiến số thu đến hết ngày 31/12/2025 là 2.700 tỷ đồng, đạt 106% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao, tăng 01% so với cùng kỳ.

Việc nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ hai dự án đầu tư lớn gồm Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I (tại Hải quan cửa khẩu Cảng Hòn La) và Dự án Điện gió Tân Hợp (tại Hải quan cửa khẩu Cảng Cửa Việt) đã mang lại nguồn thu 803,7 tỷ đồng, chiếm 33,4% tổng số thu toàn địa bàn. Đây được xem là nguồn thu đột biến, góp phần quan trọng vào việc tăng thu ngân sách nhà nước và đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu được giao.

Bên cạnh đó, đơn vị vẫn duy trì ổn định các nguồn thu truyền thống, chủ lực, trong đó nổi bật là: Nước tăng lực (chủ yếu qua hai cửa khẩu đường bộ Cha Lo và Lao Bảo) đạt 655,031 tỷ đồng; Than đá (tại Hải quan cửa khẩu quốc tế La Lay) đạt 449,7 tỷ đồng; Đường đạt 88,6 tỷ đồng và Khoáng sản đạt 60 tỷ đồng.

Đáng chú ý, nguồn thu từ mặt hàng phân bón tại Hải quan cửa khẩu quốc tế Cha Lo bắt đầu phát sinh từ tháng 7/2025 khi áp dụng mức thuế GTGT 5%. Chỉ trong vòng bốn tháng, mặt hàng này đã mang lại nguồn thu ổn định gần 30 tỷ đồng, góp phần đa dạng hóa cơ cấu hàng hóa và mở rộng nền tảng thu ngân sách bền vững.

II. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương

Trong năm, Bộ Tài chính đã bổ sung kinh phí kịp thời theo dự toán, cũng như các khoản ngoài dự toán, các khoản chế độ tăng thêm và các chính sách về an sinh xã hội theo chế độ quy định: Kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo

Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng; kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; kinh phí khắc phục hậu quả cơn bão số 10 và các đợt thiên tai khác từ đầu năm 2025; kinh phí thực hiện về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới...

B. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Trong bối cảnh thu ngân sách nhà nước khó khăn trong khi nhu cầu chi ngân sách vẫn phải đảm bảo nên ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời cho các ngành, các cấp về điều hành chi NSNN đảm bảo chặt chẽ, triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên ngay từ dự toán đầu năm và trong quá trình điều hành; sử dụng ngân sách hiệu quả, đúng chế độ quy định, lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi, cắt giảm tối đa các khoản chi phát sinh ngoài dự toán. Các nhiệm vụ chi ngân sách đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng chống dịch bệnh, các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN.

Công tác thanh tra tài chính được tăng cường thực hiện góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị, cá nhân và doanh nghiệp; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính. Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý ngân sách, tài sản nhà nước, mua sắm tài sản công...

Dự toán chi NSNN năm 2025, HĐND tỉnh quyết định là 29.916 tỷ đồng; dự toán chi ngân sách cơ bản bám sát dự toán được giao. Chi ngân sách địa phương ước thực hiện 35.986 tỷ đồng, đạt 120% so dự toán giao.

I. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: Ước thực hiện 30.798 tỷ đồng, đạt 127% so dự toán, vượt dự toán giao do trong năm TW bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển

Ước thực hiện 7.801 tỷ đồng (bao gồm thanh toán kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 chuyển sang và nguồn bổ sung từ nguồn vượt thu, dự phòng ngân sách các cấp, nguồn bổ sung có mục tiêu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia).

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, phân đấu giải ngân cao nhất kế hoạch vốn được giao, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở ngành, địa phương, các chủ đầu tư đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công và thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh thanh quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo đúng quy định. Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện và giải ngân tương

đôi tốt, tuy nhiên vẫn chưa đảm bảo tiến độ theo yêu cầu. Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đến ngày 21/11/2025 theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước khu vực XII thực hiện gần 5.502 tỷ đồng, đạt 44,18% so với Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao (12.455 tỷ đồng) và đạt 59,16% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm (9.301.259 triệu đồng); trong đó giải ngân vốn ngân sách địa phương thực hiện 3.088 tỷ đồng đạt 70,72%, ngân sách trung ương thực hiện 2.414 tỷ đồng đạt 29,85%.

Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: Kịp thời đôn đốc đẩy nhanh tiến độ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trong đó ưu tiên các dự án của cấp huyện, xã trước khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, đồng thời góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Hướng dẫn các chủ đầu tư triển khai công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ và Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính. Đến ngày 30/10/2025, tổng số hồ sơ đã được phê duyệt quyết toán là 277 dự án, công trình, với giá trị quyết toán được duyệt 3.466 tỷ đồng.

2. Chi thường xuyên

Ước thực hiện 22.357 tỷ đồng, đạt 120% dự toán giao. Năm 2025, điều hành chi ngân sách cơ bản theo tiến độ dự toán; công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán HĐND tỉnh giao. Tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh và thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của tỉnh. Đặc biệt từ tháng 7/2025, ngân sách tập trung đảm bảo kịp thời cho các nhiệm vụ phục vụ sắp xếp đơn vị hành chính, triển khai chính quyền địa phương 2 cấp và giải quyết chính sách chế độ do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Trong 2 tháng cuối năm ngân sách tập trung chi khắc phục thiệt hại do mưa lũ gây ra.

3. Chi trả nợ do chính quyền địa phương vay

Căn cứ dự toán chi ngân sách địa phương và nguồn tài chính của địa phương đã thực hiện thanh toán nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác liên quan đến khoản vay của chính quyền địa phương theo quy định. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nợ của chính quyền địa phương từ khâu đề xuất các khoản vay, thực hiện vay, quản lý và sử dụng khoản vay chấp hành theo các quy định của Chính phủ và quy định của pháp luật khác có liên quan¹.

¹ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương; Nghị định 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 97/2018/NĐ-CP

Theo số dự toán năm 2025, trần nợ vay ngân sách địa phương năm 2025 của tỉnh Quảng Trị là 1.754 tỷ đồng.

- Số dư các khoản vay nợ đến 31/12/2024 là 923 tỷ đồng.
- Số thực hiện trả nợ theo cam kết: 121,9 tỷ đồng.
- Dự kiến giải ngân kế hoạch vay: 409 tỷ đồng
- Dự kiến dư nợ đến 31/12/2025 là 1.210 tỷ đồng, số dư nợ ở mức an toàn, dưới trần nợ công.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính

Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính hàng năm 2.000 triệu đồng, theo dự toán Chính phủ giao. Quỹ dự trữ tài chính đến ngày 30/11/2025: 150.016 triệu đồng.

5. Chi dự phòng ngân sách

- Nguồn dự phòng giao đầu năm 2025: 533.979 triệu đồng (dự phòng ngân sách cấp tỉnh: 296.369 triệu đồng; dự phòng ngân sách cấp xã: 237.610 triệu đồng).

- Nguồn dự phòng đã sử dụng: 391.401 triệu đồng (dự phòng ngân sách cấp tỉnh: 201.313 triệu đồng; dự phòng ngân sách cấp xã: 190.088 triệu đồng), trong đó:

+ Sử dụng để khắc phục chi cho các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh: 243.139 triệu đồng;

+ Sử dụng cho các nhiệm vụ khác chưa được giao dự toán: 148.262 triệu đồng.

- Nguồn dự phòng còn lại đến nay: 142.578 triệu đồng (dự phòng ngân sách cấp tỉnh: 95.056 triệu đồng; dự phòng ngân sách cấp xã: 47.522 triệu đồng).

II. Chi vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Ngày 01/7/2025, cùng với cả nước, tỉnh Quảng Trị chính thức kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh và cấp xã). UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh giao dự toán thu - chi NSNN năm 2025 sau sắp xếp, trên nguyên tắc xuyên suốt là không để gián đoạn, phân chia nguồn thu giữa ngân sách tỉnh và xã được giữ ổn định, đảm bảo nguồn thu, cơ chế chi như trước khi sắp xếp. Các xã mới được giao toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn ngân sách từ đơn vị cũ. UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán 2025 cho 78 xã, phường, đặc khu. Căn cứ dự toán ngân sách năm 2025 sau sắp xếp được UBND tỉnh giao, các xã, phường, đặc khu sau sắp xếp đã thực hiện phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí theo quy định, bao gồm cả các công việc dở dang đã thống nhất bàn giao. Việc giao, điều chỉnh lại dự toán ngân sách cho 02 cấp ngân sách trong đó bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) đã làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân nguồn vốn 03 chương trình.

Quá trình triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh mặc dù đã được chỉ đạo kịp thời nhưng tỷ lệ giải ngân vốn các chương trình còn thấp sau khi hợp nhất thực hiện nhập vốn của hai tỉnh. Tổng kế hoạch vốn bố trí cho các chương trình mục tiêu quốc gia 2.423.933 triệu đồng²; 10 tháng đầu năm 2025 đã giải ngân trên 1.068 tỷ, đạt trên 44%.

1. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững

Tổng kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện chương trình là 448.416 triệu³ đồng; 10 tháng đầu năm 2025, đã giải ngân 157.189 triệu đồng, bằng 35% kế hoạch vốn⁴. Đến cuối năm 2024, tổng số hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (sau hợp nhất) là 19.805 hộ, chiếm tỷ lệ 4,46%. Như vậy, qua 04 năm thực hiện chương trình đã giảm được 15.756 hộ nghèo; tỷ lệ giảm bình quân 1,24%/năm.

2. Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới

Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đến thời điểm hiện tại, có 39/78 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Tổng kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện chương trình là 504.148 triệu đồng⁵; 10 tháng đầu năm 2025 đã giải ngân 364.275 triệu đồng, bằng 72% kế hoạch vốn⁶.

3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tổng kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện chương trình là 1.471.369 triệu đồng⁷; 10 tháng đầu năm 2025 toàn tỉnh đã thực hiện và giải ngân được tổng số 547.450 triệu đồng, bằng 37% kế hoạch.

Một số nguyên nhân tỷ lệ giải ngân vốn đạt thấp: Sự thay đổi về tổ chức bộ máy sau sáp nhập địa giới hành chính dẫn đến khó khăn trong quản lý, điều phối và triển khai. Các dự án khởi công mới trong năm gặp khó về thủ tục chuẩn bị đầu tư, điều kiện thời tiết cực đoan như mưa bão, lũ lụt tiếp tục làm gián đoạn thi công. Đặc biệt, một số nội dung hỗ trợ trong các chương trình không còn đối tượng thụ hưởng hoặc mức hỗ trợ quá thấp, không tạo động lực tham gia, khiến vốn phân bổ không được hấp thụ. Sự thay đổi trong điều kiện xã hội, như các hộ gia đình ra khỏi diện nghèo, cũng làm thay đổi nhu cầu thực tế so với dự toán ban đầu...

III. Cân đối thu - chi ngân sách năm 2025:

Cân đối ngân sách địa phương năm 2025 được đảm bảo, các khoản vay nợ đến hạn được trả kịp thời. Điều hành chi ngân sách cơ bản theo dự toán, đảm bảo kịp thời mọi hoạt động của các cấp các ngành và các cơ quan, đơn vị; tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh

² Trong đó: Vốn đầu tư: 1.098.161 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 1.325.772 triệu đồng

³ Trong đó: Vốn đầu tư: 93.735 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 354.681 triệu đồng.

⁴ Trong đó: Vốn đầu tư: 62.419 triệu đồng, đạt 67%; Vốn sự nghiệp: 94.770 triệu đồng, đạt 27%.

⁵ Trong đó: Vốn đầu tư: 371.939 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 132.209 triệu đồng.

⁶ Trong đó: Vốn đầu tư: 295.124 triệu đồng, đạt 79%; vốn sự nghiệp: 69.151 triệu đồng, đạt 52%.

⁷ Trong đó: Vốn đầu tư: 632.487 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 838.882 triệu đồng.

Cân đối ngân sách địa phương năm 2025 được đảm bảo, các khoản vay nợ đến hạn được trả kịp thời. Điều hành chi ngân sách cơ bản theo dự toán, đảm bảo kịp thời mọi hoạt động của các cấp các ngành và các cơ quan, đơn vị; tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, đặc biệt kinh phí thực hiện phòng chống dịch bệnh, hạn hán và thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của tỉnh.

PHẦN THỨ HAI

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026 VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

I. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

1. Thu ngân sách năm 2026

Dự toán thu NSNN năm 2026 được triển khai trong bối cảnh vừa hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, hoàn thành việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Đồng thời, đây cũng là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, do đó việc xây dựng dự kiến thu nội địa 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu và giải pháp chủ yếu để phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Dự toán thu Ngân sách năm 2026 được xây dựng tích cực, khả thi với tinh thần phấn đấu, nỗ lực cao nhất, theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng nguồn thu. Phấn đấu dự toán thu nội địa năm 2025 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2025 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), cụ thể:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2026 dự kiến: 13.612 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa: 10.758 tỷ đồng. Thu thuế xuất nhập khẩu dự kiến: 2.850 tỷ đồng, tăng 6% so với ước thực hiện năm 2025.

Tổng thu ngân sách địa phương: 27.155 tỷ đồng, trong đó: Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 9.538 tỷ đồng; Bổ sung từ ngân sách Trung ương: 17.446 tỷ đồng.

1.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nội địa năm 2026

Thứ nhất, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) dự kiến tăng trưởng: 9-10%.

Thứ hai, năng lực sản xuất mới và dự án đầu tư: Năm 2026, dự án Nhiệt điện Quảng Trạch dự kiến sẽ tiếp tục triển khai; một số dự án năng lượng điện gió, và dự án đầu tư sản xuất trên địa bàn đã được cấp chủ trương đầu tư, đang trong quá trình triển khai dự án, dự kiến năm 2026 chưa phát sinh số nộp ngân sách.

Thứ ba, tác động của các cơ chế, chính sách dự kiến sẽ ban hành và có hiệu lực trong năm 2026 làm tăng, giảm đến dự toán thu nội địa năm 2026⁸.

1.2. Dự toán thu nội địa năm 2026

Dự toán thu nội địa năm 2026 là 10.758 tỷ đồng, bằng 101% so với ước thực hiện năm 2025. Số thu nội địa không kể tiền SD đất, xô số là 6.113 tỷ đồng, bằng 102 % so với ước thực hiện năm 2025. Nếu loại trừ các yếu tố giảm thu do thay đổi chính sách (ước 232 tỷ) và các yếu tố tăng thu đột biến trong năm 2025 (283 tỷ) thì dự toán thu năm 2026 trừ tiền sử dụng đất năm 2026 tăng 11% so với đánh giá ước thực hiện năm 2025.

1.2.1. Thu từ khu vực DNNN trung ương: Dự kiến thu là 446 tỷ đồng, bằng 126% so ước thực hiện năm 2025.

1.2.2. Thu từ khu vực DNNN địa phương: Dự kiến thu là 210 tỷ đồng, bằng 99% so ước thực hiện năm 2025.

1.2.3. Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN: Dự kiến thu là 112 tỷ đồng, bằng 68% so ước thực hiện năm 2025. Nguyên nhân thu đạt thấp so với ước thực hiện năm 2025 là do năm 2025 Dự án Nhiệt điện Quảng Trạch được đẩy nhanh tiến độ và dự kiến hoàn thành dự án trong năm 2026.

1.2.4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Dự kiến thu là 2.630 tỷ đồng, bằng 110% so ước thực hiện năm 2025.

1.2.5. Thu thuế thu nhập cá nhân: Dự kiến thu là 430 tỷ đồng, bằng 83% so ước thực hiện năm 2025.

⁸Nghị quyết số 60/2024/UBTVQH15 ngày 24/12/2024 của UBTVQH về mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn và dự kiến Nghị quyết giảm thuế BVMT đến hết năm 2026 tác động giảm thu: 563,7 tỷ đồng; Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% một số hàng hóa, dịch vụ từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026 (ảnh hưởng giảm thu thuế GTGT trong 12 tháng năm 2026): 272,8 tỷ đồng; Dự thảo Luật Thuế TNCN sửa đổi, nâng mức giảm trừ gia cảnh cho cá nhân và người phụ thuộc (tương ứng, từ mức 11 triệu/tháng lên 13,4 triệu/tháng và từ mức 4,4 triệu đồng/tháng lên 5,4 triệu đồng/tháng) và nâng mức miễn thuế đối với hộ cá nhân kinh doanh từ 100 triệu/năm lên 500 triệu đồng/năm dự kiến giảm thu: 86,7 tỷ đồng (thuế TNCN từ tiền lương, tiền công: 60,5 tỷ đồng, từ hộ kinh doanh: 26,2 tỷ đồng); Luật thuế TNDN sửa đổi (có hiệu lực 1/10/2025) dự kiến giảm thuế TNDN do giảm thuế suất đối với doanh nghiệp có doanh thu dưới 50 tỷ đồng (từ 20% xuống 17%) dưới 3 tỷ đồng (từ 20% xuống 15%) và quy định về trích lập quỹ KHCN dự kiến tác động giảm thu: 52,5 tỷ đồng; Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân tác động giảm thu lệ phí môn bài 2026: 29,2 tỷ đồng; Luật thuế GTGT sửa đổi (có hiệu lực từ 01/7/2025) dự kiến tác động giảm thu thuế GTGT từ hộ kinh doanh do nâng ngưỡng miễn thuế từ 100 triệu đồng/năm lên 500 triệu/năm là 47,8 tỷ đồng.

1.2.7. *Lệ phí trước bạ*: Dự kiến thu là 580 tỷ đồng, bằng 97% so ước thực hiện năm 2025.

1.2.8. *Thu phí, lệ phí*: Dự kiến thu là 425 tỷ đồng, bằng 99% so ước thực hiện năm 2025.

1.2.9. *Các khoản thu và một số sắc thuế khác*

- *Thu tiền sử dụng đất*: Dự kiến thu là 4.500 tỷ đồng, bằng 100% so với ước thực hiện năm 2025.

- *Thu tiền thuê đất*: Dự kiến thu là 215 tỷ đồng, bằng 71% so với ước thực hiện năm 2025. Nguyên nhân thu đạt thấp so với ước thực hiện năm 2025 là do trong năm 2025 ước thu nợ một lần của các đơn vị nợ lớn như FLC và Sơn Hải, sang năm 2026 không còn nữa.

- *Thu thuế SD đất PNN*: Dự kiến thu là 29 tỷ đồng, bằng 95% so với ước thực hiện năm 2025;

- *Thu cấp quyền khai thác khoáng sản*: Dự kiến thu 60 tỷ đồng, bằng 61% so với ước thực hiện năm 2025. Nguyên nhân thu giảm so với ước thực hiện năm 2025 là do trong năm 2025 có phát sinh số tiền cấp quyền khai thác mỏ đất làm gôm của CTCP Gôm cao cấp Hạ Long tại huyện Hải Lăng nộp 20 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh nộp nợ 7 tỷ đồng, sang năm 2026 không còn nữa.

- *Thu khác ngân sách*: Dự kiến thu là 380,1 tỷ đồng, bằng 129% so với ước thực hiện năm 2025.

- *Thu hoa lợi công sản*: Dự kiến thu là 22 tỷ đồng, bằng 92% so với ước thực hiện năm 2025. Dự kiến số thu này sẽ giảm dần qua các năm do quỹ đất công ích 5% ở các xã dần thu hẹp.

- *Thu xổ số kiến thiết*: Dự kiến thu là 145 tỷ đồng, bằng 99% so với ước thực hiện năm 2025.

1.3. Dự toán thu xuất nhập khẩu năm 2026

Trên cơ sở tình hình dự toán thu NSNN trong 11 tháng đầu năm và dự kiến số thu cả năm 2025, phân tích số liệu thống kê, nhận định cơ cấu mặt hàng, tình hình kinh tế xã hội của tỉnh nhà. Năm 2026 dự kiến số thu xuất nhập khẩu đạt 2.850 tỷ đồng.

2. Chi ngân sách nhà nước năm 2026

Dự toán chi NSNN năm 2026 bảo đảm đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan, phù hợp với các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được HĐND tỉnh thông qua; thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đột phá phát triển trong lĩnh vực khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực sự nghiệp công; đảm bảo nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, lộ trình tinh giản biên chế theo các quy định.

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 dự kiến là 27.195 tỷ đồng, đạt 91% so với dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025. Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2026 dự kiến là 23.693 tỷ đồng, đạt 97% so với dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2025. Trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển

Dự toán chi đầu tư phát triển năm 2026 dự kiến là 4.734,9 tỷ đồng, đạt 94% so với dự toán chi đầu tư phát triển năm 2025 do giảm dự toán chi từ nguồn sử dụng đất 15% điều tiết về NSTW.

Việc bố trí vốn NSNN năm 2026 đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2026.

Trên cơ sở thông báo vốn dự kiến của Bộ Tài chính giao và nhu cầu thực tế của tỉnh, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên: (1) Bố trí vốn cho các dự án hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB; (2) Bố trí vốn cho đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ; (3) Bố trí đủ vốn theo tiến độ được phê duyệt cho dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030; (4) Bố trí đủ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; (5) Bố trí đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030; (6) Bố trí vốn ủy thác cho ngân hàng chính sách xã hội và vốn điều lệ cho Hội nông dân tỉnh; (7) Bố trí vốn cho dự án khởi công mới năm 2025 (*Ưu tiên bố trí một số công trình mới đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025 dự kiến bố trí giai đoạn 2026-2030 đã hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án*); Ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình, nhiệm vụ dự án: Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương và phát triển giáo dục tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Trung ương.

2.2. Chi thường xuyên

Dự toán chi thường xuyên năm 2026 dự kiến là 18.377 tỷ đồng, đạt 99% so với dự toán chi thường xuyên năm 2025.

Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã ban hành Luật ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 thay thế Luật ngân sách số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số

59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15. Theo đó, tại kỳ họp thường lệ cuối năm, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị áp dụng từ năm ngân sách 2026.

Về xây dựng định mức chi thường xuyên năm 2026; ngày 16/7/2025, Văn phòng Quốc hội ban hành Thông báo số 2552/TB-VPQH về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước 2026, theo đó tại nội dung 1 quy định “*Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất với đề nghị của Chính phủ và kiến nghị của cơ quan thẩm tra trình Quốc hội xem xét, quyết định việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022- 2025 sang năm 2026; đồng thời không ban hành Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước 2026.*”

Trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị đã ban hành 02 Nghị quyết: Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 152/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Trị về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường NSNN năm 2022. Năm 2026 là năm kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 theo Kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Thông báo số 2552/TB-VPQH ngày 16/7/2025 của Văn phòng Quốc hội. Các Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của 02 tỉnh cũ có nhiều điểm khác biệt, chưa bảo đảm tính thống nhất giữa các đơn vị, địa phương trong cùng một tỉnh. Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất trong công tác lập, tổng hợp, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 sau sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh, đảm bảo áp dụng định mức phân bổ thống nhất giữa các vùng, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 để thay thế 02 nghị quyết của tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp) và tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp) tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2025.

Năm 2026, là năm kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022- 2025, dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Quảng Trị năm 2026 được Trung ương giao bằng dự toán chi thường xuyên trong thời kỳ ổn định và được cân đối nguồn để thực hiện chính sách tiền lương, chế độ tiền thưởng, các chế độ chính sách an sinh xã hội tăng thêm. Mặt khác, năm 2026 vẫn phải đảm bảo nguồn để chi nhiệm vụ chung, thực hiện các chương trình, đề án của tỉnh, các chính sách do Trung ương ban hành và theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh đã ban hành. Trên cơ sở nguồn kinh phí dự kiến Trung ương phân bổ năm 2026 cho địa

phương, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên: (1) Đảm bảo đầy đủ các khoản chi cho con người: Chi tiền lương các khoản có tính chất lương cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động; chi chính sách an sinh xã hội; (2) Các Đề án, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành đến ngày 30/9/2025; (3) Chi các nhiệm vụ theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (4) Số kinh phí còn lại phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, các hoạt động dịch vụ, các hoạt động phát triển kinh tế xã hội tại cơ quan, đơn vị và địa bàn cấp xã.

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026

1. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh

Các sở, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, đặc biệt là tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các dự án trọng điểm theo đúng tiến độ góp phần tạo nguồn thu ổn định, bền vững cho NSNN; phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế, Hải quan nắm chắc nguồn thu để thực hiện các giải pháp đồng bộ để tăng thu, nhất là các địa bàn, lĩnh vực, doanh nghiệp có nguồn thu lớn. Tập trung hỗ trợ, giải quyết kịp thời những vướng mắc cho doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn về thuế, đặc biệt là cách tiếp cận để đề ra các biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ, phục vụ người nộp thuế một cách hiệu quả, thiết thực. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh để tăng thu cho NSNN.

2. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế

Cơ quan Thuế, Tài chính các cấp: Tập trung triển khai thực hiện các giải pháp thu hồi nợ thuế, đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế nhằm thu dứt điểm nợ thuế có khả năng thu năm 2025 chuyển sang, hạn chế nợ mới phát sinh; phân loại các khoản nợ thuế để thực hiện các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định. Báo cáo kịp thời UBND các cấp để chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn phối với cơ quan thuế trong việc đôn đốc, thu hồi và thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo pháp luật quy định.

Các cơ quan như: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Kho bạc nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, các Ngân hàng thương mại và các ngành liên quan phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế để tăng cường công tác chống thất thu và thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh. Tiến hành kiểm tra rà soát các dự án, các hợp đồng thuê đất nhưng không đưa vào sử dụng và còn nợ tiền thuê đất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Tiếp tục thực hiện các đề án, kế hoạch về công tác chống thất thu trong các lĩnh vực: xăng dầu, khai thác khoáng sản, xây dựng vận tải, dịch vụ du lịch, thu thuế ngoài quốc doanh...

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra hoàn thuế giá trị gia tăng, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế để chiếm đoạt tiền của NSNN, nhất là các doanh nghiệp, lĩnh vực có nguy cơ không đạt dự toán thu. Thường xuyên rà soát tài khoản tạm thu, tạm giữ để chuyển nộp NSNN đúng quy định; đôn đốc các khoản phải thu theo kết quả kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật; tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật thuế mới đi đôi với đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan; công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính thuế, hải quan.

Tiếp tục đẩy mạnh thu từ nguồn cấp quyền sử dụng đất: Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường phải xây dựng phát triển quỹ đất để tăng từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất ngay từ đầu năm, đề ra các giải pháp đồng bộ để chỉ đạo triển khai thực hiện tốt, trong đó: Cần tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án nhà ở thương mại, các dự án phát triển quỹ đất; đẩy nhanh tiến độ trong việc xác định giá đất cụ thể, xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất, nhất là đối với các khu đất đấu giá thuộc đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lời đặc biệt, có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ để xác định giá khởi điểm.

3. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN

Các sở, ngành, địa phương điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; quản lý chặt chẽ, chi trong phạm vi dự toán được giao. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn đầu tư từ NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ; thực hiện nghiêm quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng ... và các văn hướng dẫn, xử lý nợ đọng XDCB; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi NSNN trong trường hợp thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới. Tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, xử lý vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành.

Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; lồng ghép các chính sách, tiết kiệm triệt để các khoản chi ngay từ khâu phân bổ dự toán và thực hiện dự toán; giảm tối đa và công khai các khoản chi hội nghị, hội thảo, khánh tiết, lễ hội, động thổ, khởi công, khánh thành công trình; hạn chế bố trí kinh phí đi

nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; hạn chế mua trang thiết bị đắt tiền, mở rộng hình thức khoán xe ô tô đảm bảo hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.

Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời theo tiến độ các khoản kinh phí đã bố trí trong dự toán cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

4. Tăng cường công tác quản lý thị trường, giá cả

Các ngành, địa phương cần tăng cường phối hợp chặt chẽ, chủ động phòng chống, phát hiện và xử lý nghiêm nạn buôn lậu, gian lận thương mại và sản xuất kinh doanh hàng giả. Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với các mặt hàng quan trọng, thiết yếu phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giá. Công khai thông tin về giá, điều hành giá để tạo sự đồng thuận trong xã hội.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực

Các sở, ngành, địa phương tổ chức sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy hoạch, đề án đã phê duyệt; giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công theo đề án, kế hoạch đã phê duyệt. Tạo cơ chế nhằm đa dạng hóa các loại hình liên doanh, liên kết giữa các đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp ngoài công lập nhằm nâng cao số lượng và chất lượng cung ứng dịch vụ công.

6. Đẩy mạnh việc thoái vốn nhà nước trong các DNNN đã cổ phần hoá theo đề án, kế hoạch đã phê duyệt

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá thuộc diện Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần, vốn góp theo đề án kế hoạch đã phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc triển khai theo đúng lộ trình đã được phê duyệt. Tăng cường chức năng quản lý, giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý tài chính nhà nước và của chủ sở hữu nhà nước. Thực hiện công khai minh bạch kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

7. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Các sở, cơ quan đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách, đảm bảo các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng kinh phí ngân sách. Tổ chức thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm quy định không ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chương trình, đề án có sử dụng


ngân sách nhà nước nhưng không hoặc chưa cân đối được nguồn. Tập trung chỉ đạo công tác quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình, dự án hoàn thành.

Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh, kiểm tra, kiểm toán đối với những trường hợp vi phạm, gây lãng phí tiền, tài sản nhà nước, tài nguyên thiên nhiên. Yêu cầu hệ thống Kho bạc Nhà nước tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định, nhất là các khoản chi xây dựng trụ sở, mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền.

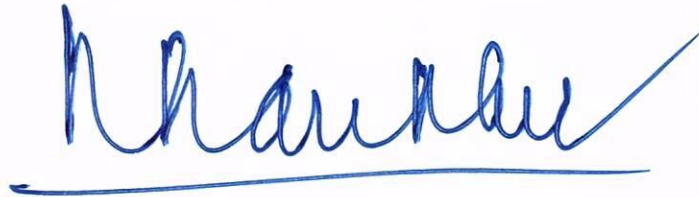
(Số liệu chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2025, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các ngành: Thuế tỉnh; KBNN KVVII, CCHQ KV IX;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, TH. 

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Phong Phú

Phụ lục số 01

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025	Ước năm 2025	Dự toán năm 2026 (TTCP giao)	Dự toán năm 2026 (HĐND tỉnh giao)	So sánh UTH/DT		
							%	Tuyệt đối	
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	35.953.349	29.507.692	41.427.672	26.207.317	27.155.404	140%	(2.352.288)	92%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	9.076.157	8.770.950	10.216.190	8.688.350	9.538.350	116%	767.400	109%
-	Thu NSDP hưởng 100%	5.604.188	4.781.300	6.198.690	1.585.100	1.585.100	130%	(3.196.200)	33%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	3.471.969	3.989.650	4.017.500	7.103.250	7.953.250	101%	3.963.600	199%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	16.642.633	19.979.267	22.136.917	17.446.945	17.446.945	111%	(2.532.322)	87%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	10.196.732	12.835.907	12.835.907	9.361.454	9.361.454	100%	(3.474.453)	73%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6.445.901	7.143.360	9.301.010	4.134.347	4.134.347	130%	(3.009.013)	58%
3	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				3.951.144	3.951.144		3.951.144	
III	Thu từ nguồn viện trợ	665	14.255	14.255		4.050	100%	(10.205)	28%
IV	Thu kết dư	871.731	0					-	

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025	Ước năm 2025	Dự toán năm 2026 (TTCP giao)	Dự toán năm 2026 (HĐND tỉnh giao)	So sánh UTH/DT		So sánh DT2026/2025	
							%	Tuyệt đối	Tuyệt đối	Tương đối (%)
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	9.362.163	743.220	9.060.310	72.022	166.059	1219%	(577.161)		22%
B	TỔNG CHI NSDP	35.604.148	29.916.692	35.986.451	26.247.217	27.195.304	120%	(2.721.389)		91%
I	Tổng chi cân đối NSDP	26.543.838	24.319.855	30.798.873	22.112.870	23.693.329	127%	(626.527)		97%
1	Chi đầu tư phát triển	9.794.185	5.023.904	7.801.000	4.113.300	4.734.955	155%	(288.949)		94%
2	Chi thường xuyên	16.710.403	18.655.079	22.357.000	17.488.711	18.377.012	120%	(278.067)		99%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	37.251	71.933	71.933	67.400	67.400	100%	(4.533)		94%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	100%	-		100%
5	Chi viện trợ theo quy định của pháp luật					25.000				
6	Dự phòng ngân sách	-	533.979	533.979	441.459	486.962	100%	(47.017)		91%
7	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	32,961	32,961	0	0	100%	(32.961)		0%
II	Chi các chương trình mục tiêu	-	5.173.323	5.173.323	4.134.347	3.497.925	100%	(1.675.398)		68%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	1.358.222	1.358.222	0	0	100%	(1.358.222)		0%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	3.815.101	3.815.101	4.134.347	3.497.925	100%	(317.176)		92%

STT	Nội dung	Thực hiện 2024	Dự toán năm 2025	Ước 2025	Dự toán năm 2026 (TTCP giao)	Dự toán năm 2026 (HĐND tỉnh giao)	So sánh UTH/DT		So sánh DT2026/2025	
							%	Tuyệt đối	Tuyệt đối	Tương đối (%)
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	9.060.310	0						-	
IV	Chi từ nguồn viện trợ	-	14.255	14.255		4.050	100%	(10.205)		28%
V	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-	409.259				0%	(409.259)		0%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)	204.609	409.000	409.000	39.900	39.900	100%	(369.100)		10%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)	88.255	121.900		122.800	122.800	0%	900		101%
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	-	28.000	28.000		0	100%	(28.000)		0%
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	88.255	93.900	93.900	122.800	122.800	100%	28.900		131%
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)	204.609	437.000	437.000	162.700	162.700	100%	(274.300)		37%
I	Vay để bù đắp bội chi	204.609	409.000	409.000	39.900	39.900	100%	(369.100)		10%
II	Vay để trả nợ gốc	-	28.000	28.000	122.800	122.800	100%	94.800		439%

Phụ lục số 02

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Nội dung	Thực hiện 2024	Dự toán năm 2025 (TTCP giao)	Dự toán năm 2025 (HBND tỉnh giao)	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026 (TTCP giao)	Dự toán năm 2026 (HBND tỉnh giao)	So sánh DT 2026 so với UTH 2025 (%)
A	B	I	I	3	5	7	9	I3
	TỔNG THU NSNN	12.138.612	11.156.000	11.902.255	13.372.575	12.608.000	13.612.050	102%
I	Thu nội địa	9.399.811	8.606.000	9.338.000	10.658.320	9.758.000	10.758.000	101%
	<i>Thu nội địa không kể tiền SD đất, xổ số</i>	5.742.767	5.531.000	5.518.000	6.012.320	6.113.000	6.113.000	102%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	367.543	335.000	335.000	355.300	446.000	446.000	126%
	- Thuế giá trị gia tăng	316.757	298.000	298.000	293.800	382.000	382.000	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.807	15.500	15.500	30.100	28.200	28.200	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0	0	0	
	- Thuế tài nguyên	29.979	21.500	21.500	31.400	35.800	35.800	
	- Thu khác	0	0	0	0	0	0	
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	191.239	167.000	167.000	211.600	210.000	210.000	99%
	- Thuế giá trị gia tăng	91.087	89.300	89.300	110.900	106.900	106.900	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.595	42.600	42.600	50.700	49.000	49.000	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	47.575	33.100	33.100	45.900	50.000	50.000	

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện 2024	Dự toán năm 2025 (TTCP giao)	Dự toán năm 2025 (HĐND tỉnh giao)	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026 (TTCP giao)	Dự toán năm 2026 (HĐND tỉnh giao)	So sánh DT 2026 so với UTH 2025 (%)
	- Thuế tài nguyên	5.983	2.000	2.000	4.100	4.100	4.100	
	- Thu khác	0	0	0			0	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)	160.978	164.000	164.000	164.000	112.000	112.000	68%
	- Thuế giá trị gia tăng	47.762	48.500	48.500	38.100	39.500	39.500	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.826	113.400	113.400	114.600	61.800	61.800	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0		0	0	
	- Thuế tài nguyên	3.391	2.100	2.100	11.300	10.700	10.700	
	- Thu khác	0	0	0			0	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	2.242.209	2.247.000	2.247.000	2.400.000	2.630.000	2.630.000	110%
	- Thuế giá trị gia tăng	1.647.067	1.742.400	1.742.400	1.780.000	2.006.000	2.006.000	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	271.858	219.200	219.200	290.000	282.400	282.400	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	161.180	137.100	137.100	152.000	172.200	172.200	
	- Thuế tài nguyên	162.103	148.300	148.300	178.000	169.400	169.400	
	- Thu khác	0	0	0			0	
5	Thuế thu nhập cá nhân	404.374	390.000	390.000	519.100	430.000	430.000	83%
6	Thuế bảo vệ môi trường	504.104	830.000	830.000	560.000	555.000	555.000	99%
-	<i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước</i>	307.082	498.000	498.000	336.000	333.000	333.000	
-	<i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	197.022	332.000	332.000	224.000	222.000	222.000	
7	Lệ phí trước bạ	487.189	405.000	405.000	600.000	580.000	580.000	97%

STT	Nội dung	Thực hiện 2024	Dự toán năm 2025 (TTCP giao)	Dự toán năm 2025 (HĐND tỉnh giao)	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026 (TTCP giao)	Dự toán năm 2026 (HĐND tỉnh giao)	So sánh DT 2026 so với UTH 2025 (%)
8	Thu phí, lệ phí	434.800	380.000	380.000	430.500	425.000	425.000	99%
-	Phí và lệ phí trung ương	59.118	56.000	56.000	65.000	56.000	56.000	
-	Phí và lệ phí tỉnh	309.727	324.000	299.385	365.500	369.000	369.000	
-	Phí và lệ phí huyện	54.561	0	24.615		0	0	
-	Phí và lệ phí xã, phường	11.394	0	0		0	0	
	Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	0	68.000	68.000		58.000	58.000	
	Phí BVMT đối với nước thải	0	32.100	32.100				
	Phí tham quan du lịch, di sản thế giới	0	18.500	18.500		25.000	25.000	
	Thu phí hạ tầng của khâu	0	137.300	137.300		210.000	210.000	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	715	0	0		0		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	32.107	23.000	23.000	30.500	29.000	29.000	95%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	376.080	166.000	166.000	303.000	215.000	215.000	71%
12	Thu tiền sử dụng đất	3.506.045	2.948.000	3.680.000	4.500.000	3.500.000	4.500.000	100%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	1.548	700	700	1.590	1.000	1.000	63%
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	150.998	127.000	140.000	146.000	145.000	145.000	99%
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	97.403	58.400	58.400	98.300	60.000	60.000	61%
	Thu từ giấy phép do TW cấp	31.814	25.500	25.500	45.000	15.000	15.000	

STT	Nội dung	Thực hiện 2024	Dự toán năm 2025 (TTCP giao)	Dự toán năm 2025 (HĐND tỉnh giao)	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026 (TTCP giao)	Dự toán năm 2026 (HĐND tỉnh giao)	So sánh DT 2026 so với UTH 2025 (%)
	<i>Thu từ giấy phép do ĐP cấp</i>	65.588	32.900	32.900	53.300	45.000	45.000	
16	Thu tiền sử dụng khu vực biển	2.656	3.900	3.900	4.630	3.900	3.900	
17	Thu khác ngân sách	387.978	330.000	317.000	293.900	380.100	380.100	129%
	<i>Thu khác NSTW</i>	210.329	170.300	157.300	135.000	220.000	220.000	
	<i>Thu khác NSĐP</i>	177.648	159.700	159.700	158.900	160.100	160.100	101%
	<i>Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa</i>	0	20.700	20.700		1.000	1.000	
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	35767	21.000	21.000	24.000	22.000	22.000	92%
19	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)	16.076	10.000	10.000	15.900	14.000	14.000	88%
20	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)		0	0				
21	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)		0	0				
II	Thu từ dầu thô	0	0	0				
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	2.683.212	2.550.000	2.550.000	2.700.000	2.850.000	2.850.000	106%
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	2.388.197	2.270.000	2.270.000	2.410.000	2.520.800	2.520.800	
2	Thuế xuất khẩu	129.946	110.000	110.000	110.000	112.200	112.200	
3	Thuế nhập khẩu	88.821	80.000	80.000	100.000	114.400	114.400	

STT	Nội dung	Thực hiện 2024	Dự toán năm 2025 (TTCP giao)	Dự toán năm 2025 (HĐND tỉnh giao)	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026 (TTCP giao)	Dự toán năm 2026 (HĐND tỉnh giao)	So sánh DT 2026 so với UTH 2025 (%)
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	85	0	70.000	80.000		0	
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	57.445	70.000	0		87.400	87.400	
6	Thu khác	18.718	20.000	20.000		15.200	15.200	
IV	Thu viện trợ	55.589	0	14.255	14.255		4.050	